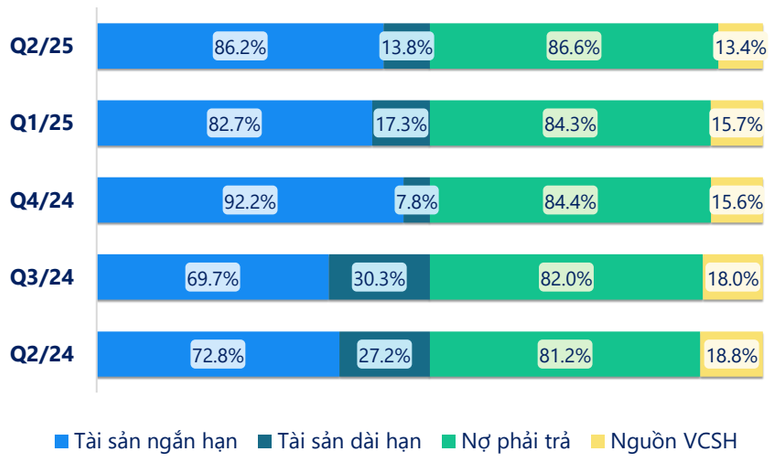
FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	66,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	81,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,700
SL cổ phiếu LH	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,795
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,619
P/E	32.8
EPS	2,018

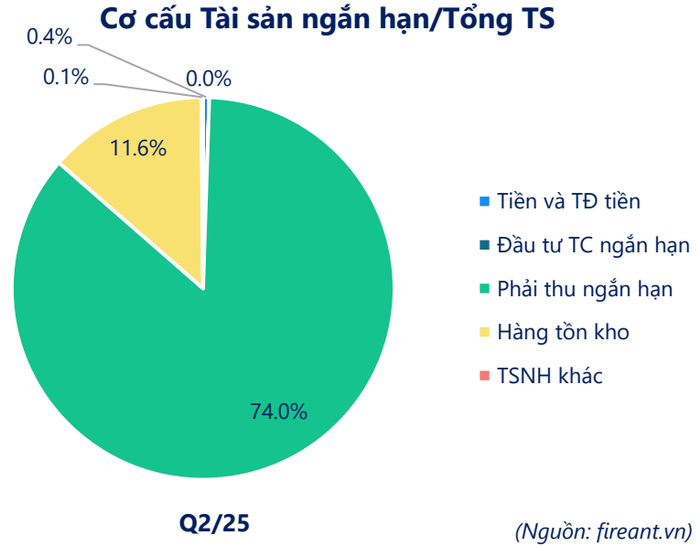
	YTD	1T	3T	6T
SCG	1.1%	3.1%	-7.4%	1.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



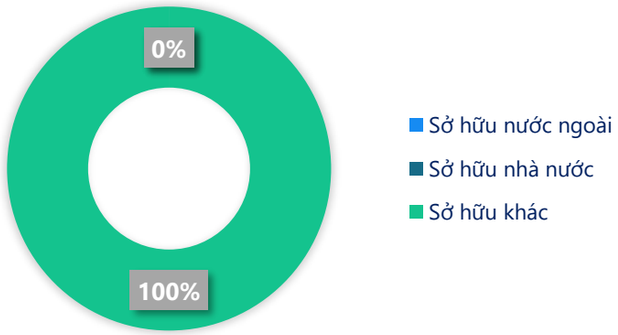
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



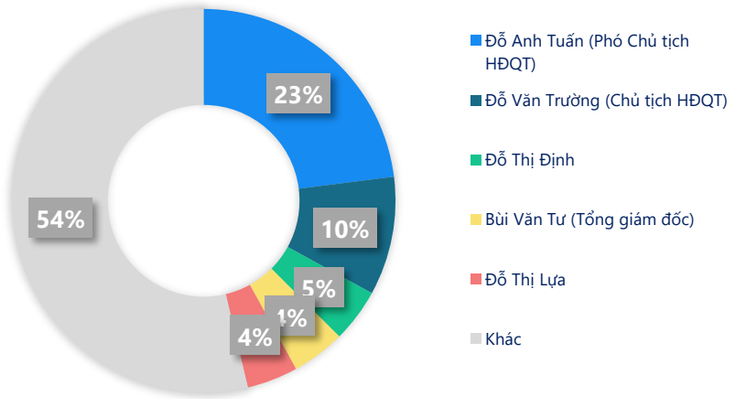
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



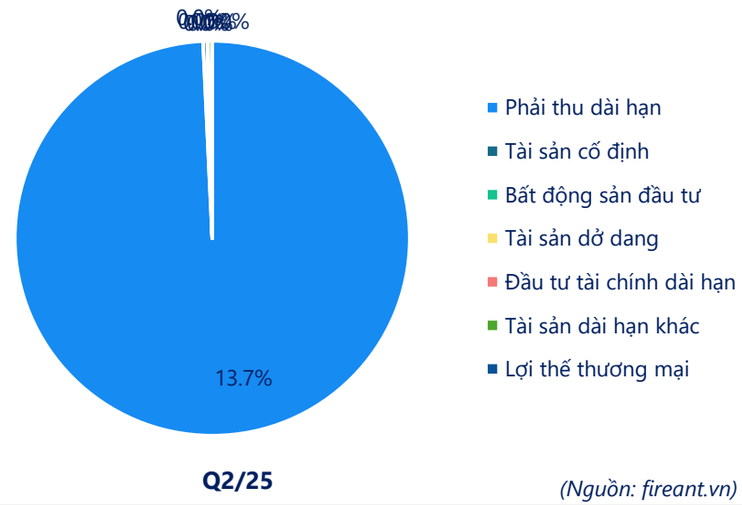
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

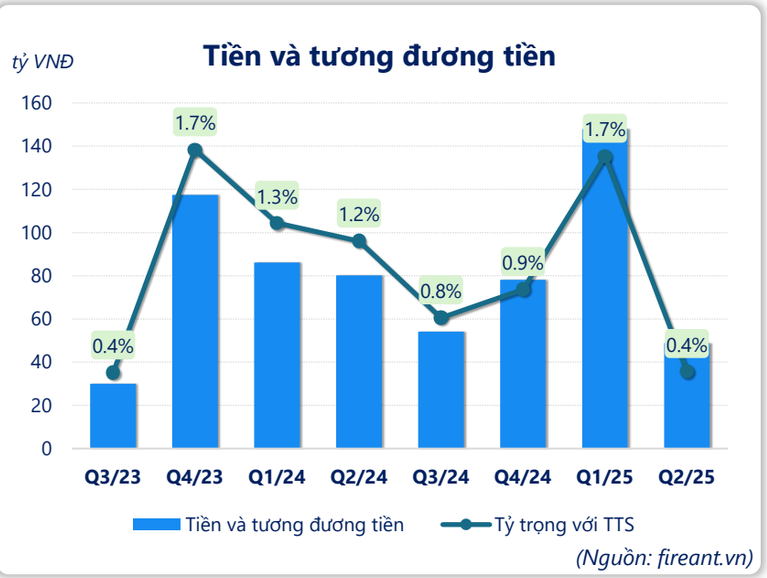
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



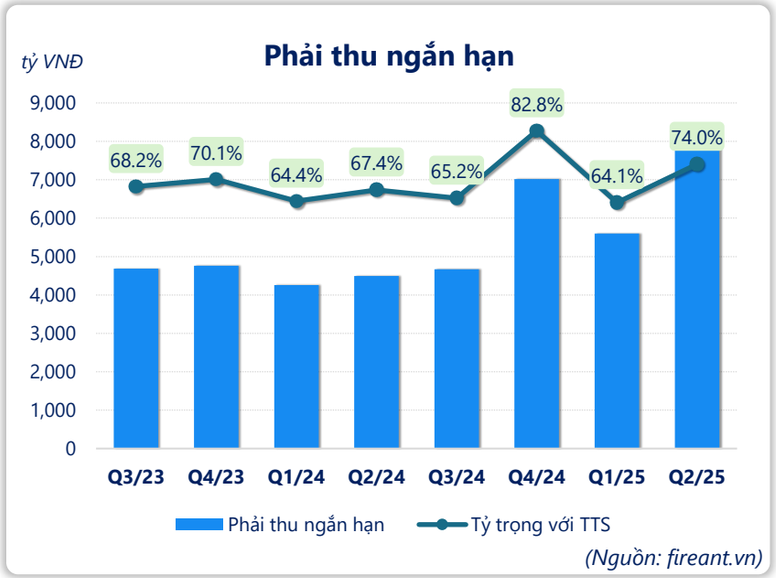
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

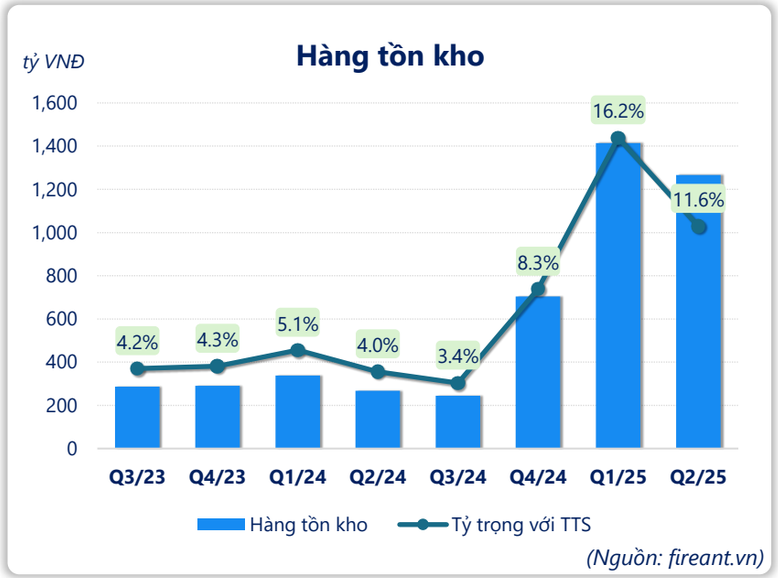
CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)



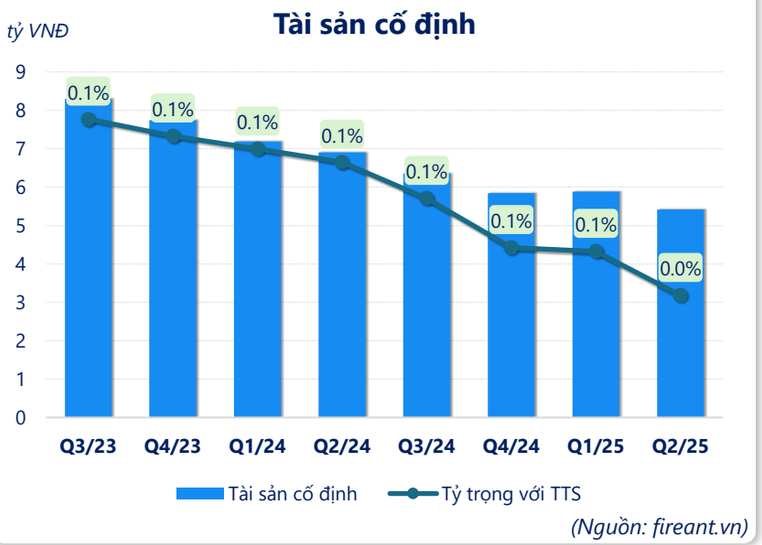
(Nguồn: fireant.vn)



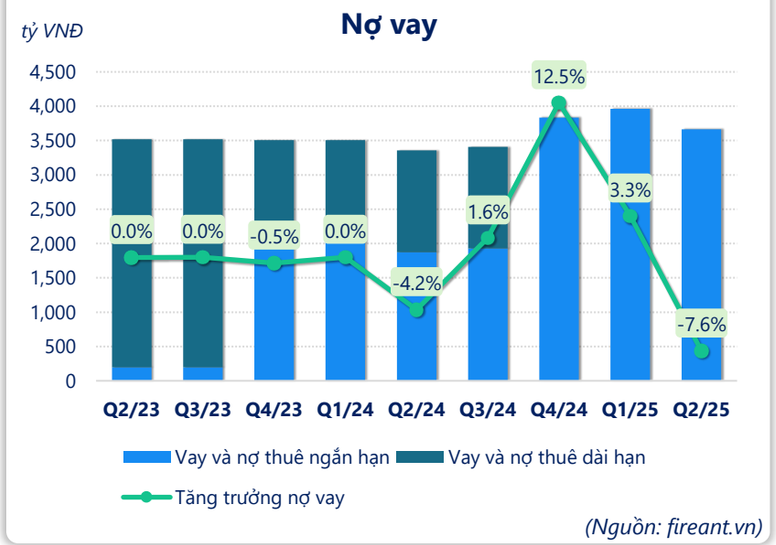
(Nguồn: fireant.vn)



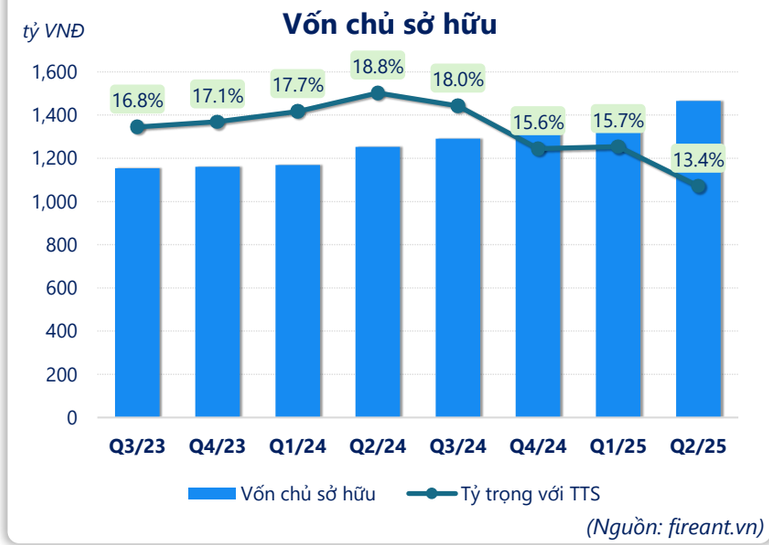
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

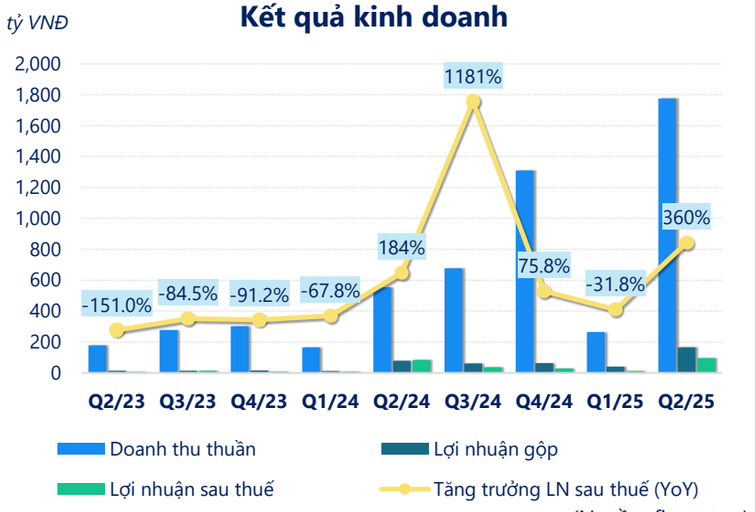


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

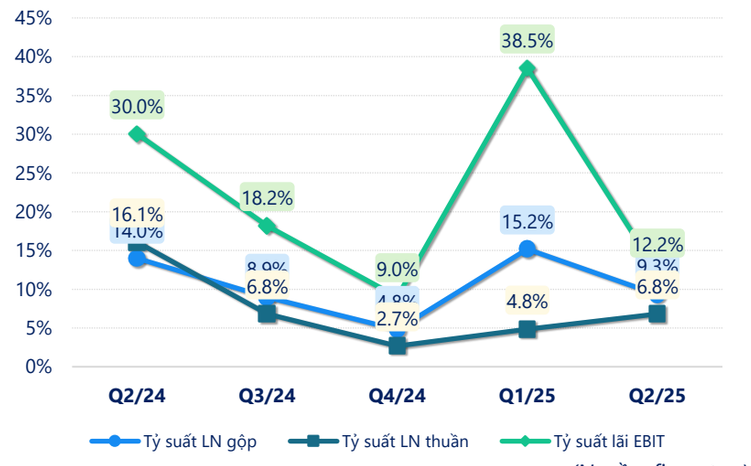
CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Kết quả kinh doanh



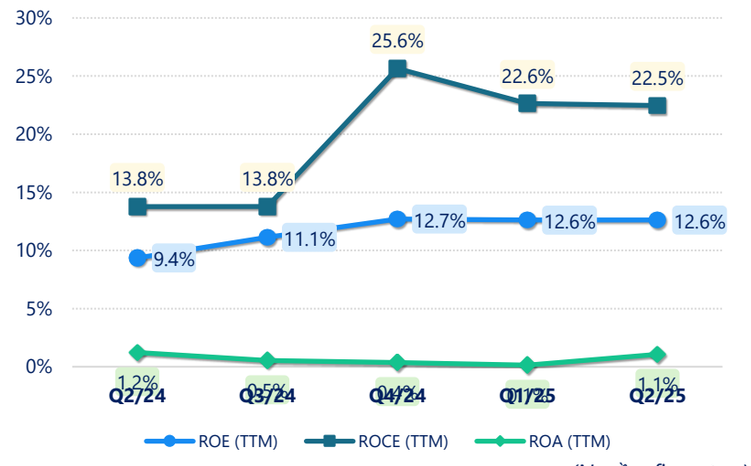
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



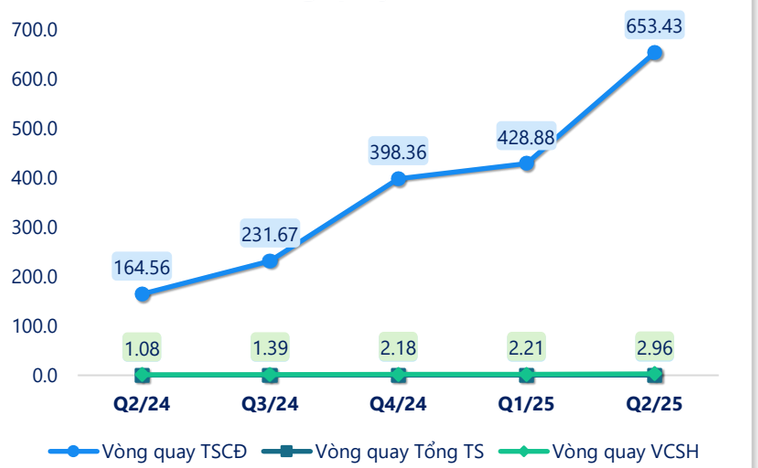
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



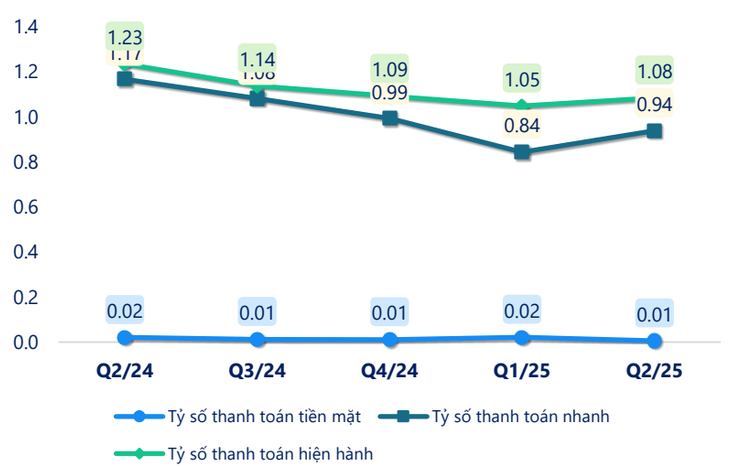
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



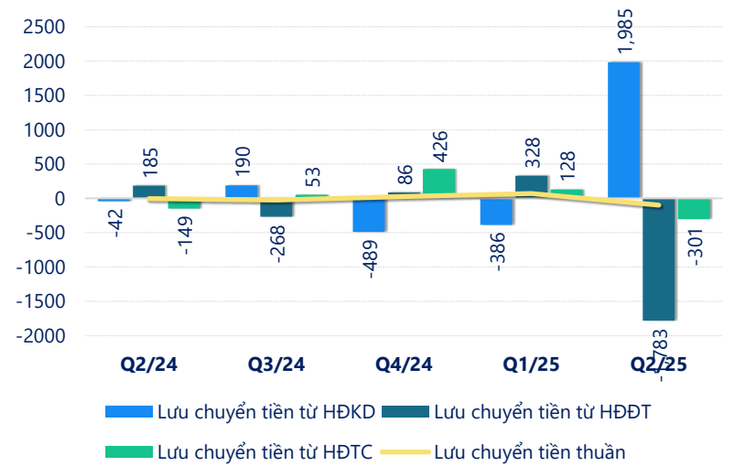
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**10,943**	**8,502**	**28.7%**
Tài sản ngắn hạn	9,431	6,989	35.0%
Tiền và tương đương tiền	48.8	78.1	-37.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8,102	6,162	31.5%
Hàng tồn kho	1,267	731	73.2%
Tài sản ngắn hạn khác	14.4	16.9	-14.8%
Tài sản dài hạn	**1,511**	**1,513**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	1,500	1,500	0.0%
Tài sản cố định	5.41	6.35	-14.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**5.06**	**5.61**	**-9.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,477	7,142	32.7%
Nợ ngắn hạn	**8,701**	**6,669**	**30.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,663	3,835	-4.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,048	1,067	-1.8%
Nợ dài hạn	777	473	64.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,465**	**1,360**	**7.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,465**	**1,360**	**7.8%**
Vốn điều lệ	850	850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	553	677	1,309	263	1,775
Giá vốn hàng bán	476	617	1,246	223	1,610
Lợi nhuận gộp	77.3	60.6	62.8	40.0	165
Doanh thu HĐTC	107	84.3	84.4	80.9	73.6
Chi phí TC	77.3	80.8	84.2	89.2	97.4
Chi phí lãi vay	76.6	80.0	83.4	88.4	96.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	17.8	18.1	28.0	18.9	20.8
LN thuần từ HĐKD	88.9	46.1	35.1	12.7	121
Lợi nhuận khác	0.47	-2.89	-0.44	0.24	-0.79
LN trước thuế	89.4	43.2	34.6	13.0	120
Lợi nhuận sau thuế	83.9	37.1	29.1	10.9	94.9
LNST của CĐ cty mẹ	83.8	37.1	28.5	10.8	95.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-42.4	190	-489	-386	1,985
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	185	-268	86.2	328	-1,783
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-149	52.6	426	128	-301
Tiền đầu kỳ	86.1	80.1	54.2	78.1	148
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.01**	**-26.0**	**23.9**	**69.8**	**-99.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	80.1	54.2	78.1	148	48.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic